

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PRAVANA _PRA PURELIGHT POWER LIGHTENER 12OZ_2598277

Số sửa đổi Rev 1.0
Ngày phát hành June 30, 2020

Phần 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm PRAVANA _PRA PURELIGHT POWER LIGHTENER 12OZ_2598277
Các cách khác để xác định lại lịch Không có sẵn.
Sử dụng được khuyến cáo Sản phẩm chăm sóc tóc

Hạn chế sử dụng Chỉ sử dụng theo chỉ dẫn trên nhãn sản phẩm.

Nhà sản xuất Henkel Corporation
One Henkel Way
Rocky Hill, CT 0606
Internet: www.henkel-northamerica.com

Ngày thẩm định 6/30/2020
Trong trường hợp khẩn cấp 1-888-689-9082
Giao thông vận tải khẩn cấp Contact: CHEMTREC 1-800-424-9300 [US/Canada 24 Hours]

Loại sản phẩm Chất lỏng

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Tổng quan cấp cứu Tình trạng OSHA/HCS

Mức xếp loại nguy hiểm

DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO.

Tình trạng OSHA/HCS SDS này chứa thông tin có giá trị quan trọng đối với xử lý an toàn và sử dụng đúng cách của sản phẩm. SDS này nên được giữ lại và có sẵn cho nhân viên và những người dùng khác của sản phẩm này.

Mức xếp loại nguy hiểm

**YẾU CẦU
ĐÚNG ĐÀ
NGHIÊM TRỌNG NGHIÊM TRỌNG**

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua miệng chưa biết: 37.6%
Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua da chưa biết: 37.6%
Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua hít thở chưa biết: 37.6%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ
Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi
Nhãn Hóa Chất)



Từ cảnh báo
Cảnh báo nguy cơ

Nguy hiểm
Có thể gây cháy hoặc nổ; chất oxy hóa mạnh.
Nguyên nhân bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

Các công bố về phòng ngừa
Tổng quát

Đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng. Tránh xa tầm với của trẻ em. Nếu cần tư vấn về y học, tham khảo thùng chứa hoặc nhãn sản phẩm.

Ngăn chặn

Không phun vào ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khác. Thùng chứa nén áp suất: Không xé toạc hoặc đốt, thậm chí sau khi sử dụng.

Phản ứng
Lưu trữ

Không áp dụng.
Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Không để tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50 °C/122 °F. cất giữ ở một nơi thông gió tốt.

Xử lý

Không áp dụng.

Nguy hiểm chưa được phân loại khác Không biết chất nào.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế	Hỗn hợp	Số CAS
Tên	%	
Hydrogen peroxide	10 - 30 %	7722-84-1
White mineral oil, highly refined, Visc.	1 - 5 %	8042-47-5
Alcohols, C16-18, 20EO	1 - 5 %	68439-49-6

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ có đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

Phần 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt

Rửa trôi bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nhắm mí mắt trên và dưới. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ chuyên viên y tế sẵn sóc ngay.

Hít phải

Nếu thấy khó thở, chuyển ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Ensure sufficient ventilation during and after use, in order to prevent vapour accumulation. Tìm hỗ trợ y tế ngay.

Tiếp xúc ngoài da

Rửa vùng da nhiễm bẩn nhẹ nhàng và kỹ lưỡng với dòng nước và xà phòng không làm trầy xước. If on clothes, remove clothes. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.

Nuốt phải Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và đư

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị Điều trị theo triệu chứng.

Điều trị cụ thể Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu Sử dụng thiết bị bảo hộ thích hợp (Phần 8).

Xem thông tin độc tính (phần 11)

Phần 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
Các chất chữa cháy không phù hợp Không biết chất nào.
Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chữa có thể nổ.

Sản phẩm phân rã donhiệt nguy hiểm Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
hợp chất halogen hóa
carbonyl halides

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

Phần 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Nếu bình phun bị thủng, phải cẩn thận vì chất chứa ở trong dưới áp suất lớn sẽ thoát ra ngoài rất nhanh. Nếu nhiều thùng chứa bị vỡ, hãy xử lý như đối với trường hợp vật liệu bị đổ ra nhiều, theo các hướng dẫn trong phần lau chùi. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “ Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Để phòng cho môi trường Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khí tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Khí tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Hốt và dọn chỗ đổ bằng

Phần 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát Cẩm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rời mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa.

Phần 8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ

Hoa Kỳ

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	
Hydrogen peroxide	1 ppm TWA 5
White mineral oil, highly refined, Visc	mg/m ³ TWA Inhalable fraction. 1 ppm (1,4 mg/m ³) PEL 5 mg/m ³ PEL Mist.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.
<u>Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc</u>	0
Biện pháp vệ sinh Bảo vệ mắt	Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ o hỏ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: Kính an toàn có tấm chắn hàn hàn
<u>Bảo vệ da</u>	0
Bảo vệ tay Bảo vệ thân thể	Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được c hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.
Biện pháp bảo vệ da khác	Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
Bảo vệ hô hấp	Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.
Tham khảo chính quyền địa phương về giới hạn phơi nhiễm chấp nhận.	0

Phần 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	Cloudy Màu vàng.
Màu sắc	Không có thông tin cụ thể gì.
Mùi	2.70 - 3.10 (20 °C)
pH	Không có thông tin cụ thể gì.
Điểm sôi	Không có thông tin cụ thể gì.
Điểm bùng cháy	Không có thông tin cụ thể gì.
Mật độ tương đối	Không có thông tin cụ thể gì.
Nhiệt lượng cháy	Không có thông tin cụ thể gì.

Phần 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA

Khả năng phản ứng	
Tính ổn định	Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).
Các vật liệu không tương thích	Không có thông tin cụ thể gì.
Sản phẩm phân rã có môi nguy	Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rữa.

Phần 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Hoa Kỳ

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

Kích ứng/Án mòn

Tên sản phẩm/thành phần

Không có sẵn.

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nồm mưa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

0

Tiếp xúc mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Hít phải

Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích thích đường hô hấp ho.

Tiếp xúc ngoài da

Nguyên nhân bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

Nuốt phải

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt

Hít phải

Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích thích đường hô hấp ho.

Tiếp xúc ngoài da

Nguyên nhân bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

Nuốt phải

Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có

Các tác dụng chậm có

Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

0

Các tác dụng tức thời có

Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có

Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tổng quát

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

0

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

Phần 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Hoa Kỳ

Độc Tính

Không có sẵn.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần

0

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (KOC)

Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Phần 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ

Phần 14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật					
phải tuân thủ	Consumer Commodity ORM-D Limited	-	-	-	Reportable quantity 23809.5 lbs / 10809.5 kg
Phân loại DOT					

Phân loại TDG	Not regulated.	-	-	-	-
Phân loại Mexico	Not regulated.	-	-	-	-
Phân loại ADR/RID	Not regulated.	-	-	-	-
Phân loại IMDG	UN 2984	-	5.1	III	-
Phân loại IATA-DGR	UN 2984	-	5.1	III	-

PG* : Quy cách đóng gói

0 0 0 0 0

Phần 15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Quy định Liên Bang Hoa Kỳ

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 112 (b) Không liệt kê

Các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAPs)

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602 Không liệt kê

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602 Không liệt kê

Danh sách DEA Hóa chất Không liệt kê

Hóa chất DEA Danh sách II Không liệt kê

SARA 302/304

0

Thông tin về thành phần các chất

Không tìm thấy sản phẩm nào.

SARA 304 RQ

SARA 311/312

0

Phân loại

Thông tin về thành phần các chất

Không có sẵn.

0

0

Bang Massachusetts

Bang New York

Các thành phần sau được liệt kê:
Ammonia

Bang New Jersey

Các thành phần sau được liệt kê:
AMMONIA; PROPYLENE GLYCOL;
1,2-PROPANEDIOL; MINERAL OIL
(UNTREATED and MILDLY TREATED)

Bang Pennsylvania

Các thành phần sau được liệt kê:
AMMONIA; 1,2-PROPANEDIOL

California Prop. 65

0

DỰ ÁN CALIFORNIA 65: Tuyên bố sau đây được đưa ra để tuân thủ Uống rượu an toàn California Đạo luật Cưỡng chế Nước và Độc hại năm 1986. Sản phẩm này không được Tiểu bang California biết là gây ung thư.

Không có sẵn.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm

hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu

Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về POP và các

kim loại nặng

Không liệt kê.

Canada

WHMIS (Canada)

Canadian lists

0

NPRI Canadian

Các chất độc theo CEPA

Các thành phần sau được liệt kê:
Gaseous Ammonia

Bản kê của Canada

Không xác định.

Sản phẩm này đã được phân loại theo các tiêu chí nguy hiểm của Quy định về Sản phẩm được Kiểm soát và MSDS chứa tất cả thông tin về

Phân loại



Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm (Hoa Kỳ)

Thân trong: Xếp hạng HMIS® dựa trên thang đánh giá 0-4, với 0 đại diện cho các rủi ro hoặc rủi ro tối thiểu và 4 đại diện cho những mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Mặc dù xếp hạng HMIS® và nhãn liên quan là không bắt buộc trên SDS hoặc sản phẩm rời khỏi một cơ sở dưới 29 CFR 1910.1200, người chuẩn bị có thể chọn cung cấp chúng. Xếp hạng HMIS® sẽ được sử dụng với chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu đã đăng ký của Hiệp hội Sơn phủ Hoa Kỳ, Inc.

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Health	2
Flammability	0
Physical hazards	0
Special	

Hiệp Hội Bảo Vệ Hóa Học Quốc Gia (Hoa Kỳ)



In lai với sự cho phép của NFPA 704-2001, Xác định các mối nguy hiểm của vật liệu khẩn cấp Phản hồi Bản quyền © 1997, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Tài liệu in lại này là không phải là vị trí chính thức và đầy đủ của Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, về chủ đề được tham chiếu mà chỉ được đại diện bởi các tiêu chuẩn trong toàn bộ.

Bản quyền © 2001, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Hệ thống cảnh báo này nhằm chỉ được giải thích và áp dụng bởi các cá nhân được đào tạo đúng cách để xác định các nguy cơ hỏa hoạn, sức khỏe và phản ứng của hóa chất. Người dùng được tham khảo một số lượng hóa chất giới hạn nhất định với các phân loại được khuyến nghị trong NFPA 49 và NFPA 325, chỉ được sử dụng làm hướng dẫn. Cho dù các hóa chất được phân loại bởi NFPA hay không, bất kỳ ai sử dụng hệ thống 704 để phân loại hóa chất đều tự chịu rủi ro.

Lịch sử

Ngày in

Ngày phát hành/Ngày hiệu

chính

Ngày phát hành lần trước 6/30/2020

Phiên bản 1.0 ed

Tham khảo Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên 0

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.